

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 29-4-2022
*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thiết Hùng

Ông Ngô Ngọc Khương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa : Bà Đinh P Mai - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2021/TLST-HNGĐ , ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định ngừng phiên tòa: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ

Hiện nay ĐKNKTT: Khu 3, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Chu Thị P**, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đỗ Văn H là nguyên đơn trình bày:

Anh kết hôn với chị Chu Thị P ngày 05/6/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở tại xã S được khoảng 2 tháng sau đó chuyển về ở nhờ trên thửa đất của bố mẹ chị P tại khu

1, xã H, huyện Hạ Hòa. Anh H xác định, trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào khoảng năm 2017-2018 khi anh đi làm xa, chị P ở nhà đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh và gia đình khuyên bảo nhưng chị không nghe nên anh đã về ở với gia đình tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 16/6/2014. Hiện cháu Y đang ở với anh. Ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với anh, chị P có 01 con riêng là cháu: Chu Thị Lan A, sinh ngày 6/5/2005, hiện cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của chị P. Sau ly hôn, chị P phải có trách nhiệm đối với cháu Lan A.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay chung, công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh H không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị P không có mặt làm việc. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của chị Chu Thị P cho biết: Chị P, anh H kết hôn năm 2013. Sau kết hôn vợ chồng ở trên thửa đất của gia đình tại khu 1 xã H, huyện H. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế. Khoảng năm 2018 do mâu thuẫn nên anh H đã đưa con chung về ở với gia đình tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị P về ở với gia đình. Bà xác nhận vợ chồng anh H, chị P có 01 con chung là cháu Đỗ Thị H Y, sinh ngày 16/6/2014 và trước khi kết hôn với anh H, chị P có 01 con riêng là cháu Chu Thị Lan A, sinh ngày 6/5/2005, cháu đang ở với gia đình. Hiện nay chị P đang đi làm tự do ở tỉnh Yên Bái, bà cũng không biết địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc với chị P qua điện thoại. Nay anh H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H. Đối với chị P, gia đình cũng đã thông báo cho chị được biết những lần Tòa án triệu tập làm việc. Quan điểm của chị P cũng nhất trí ly hôn vì cuối năm 2020 chị P cũng đã có đơn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh H. Bà N nhận thay chị P các văn bản tố tụng của Tòa án vì hiện chị P không có điều kiện về làm việc.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho anh H được ly hôn chị P . Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 16/6/2014 kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác; giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thị Lan A, sinh ngày 6/5/2005 kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu thành niên. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu. Anh H, chị P đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí LHST: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh H có mặt, chị P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị P kết hôn ngày 5/6/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng ở nhờ trên thửa đất của bố mẹ chị P và cùng lao động tự do. Theo anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và do bất đồng quan điểm về làm kinh tế nên thường xuyên vợ chồng cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, anh H đã về ở với gia đình tại xã S, huyện T. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị P. Quá trình giải quyết vụ án chị P đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa P, đại diện UBND xã H, huyện H cho biết anh H, chị P có đăng ký kết hôn và sinh sống tại khu 1 xã H, huyện H. Hiện nay anh H và chị P không còn chung sống cùng nhau, anh H đã về quê, chị P là lao động tự do thường xuyên đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà. Anh H xin ly hôn, đề nghị TAND huyện Hạ Hòa căn cứ thực tế tình trạng của vợ chồng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Đại diện gia đình, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị P xác định vợ chồng chị P, anh H có mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Cuối năm 2020 chị P cũng đã có đơn đề nghị Tòa án để giải quyết ly hôn. Do tại thời điểm đó vì dịch bệnh và điều kiện công việc nên chị P không về

được, vụ án bị đình chỉ. Tuy nhiên, chị P vẫn giữ quan điểm ly hôn với anh H. Nay anh H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H. Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị P là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không thể kéo dài đời sống chung như hiện nay khi mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và cần xử cho anh được ly hôn chị P là phù hợp.

[3] Về con chung: Xác định anh H, chị P có một con chung là cháu Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 16/6/2014. Ly hôn anh H xin được trực tiếp nuôi cháu Y, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét điều kiện thực tế, anh H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y và nguyện vọng của cháu Y muốn được ở với anh H. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H, cần giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

[4] Về con riêng: Xác định cháu Chu Thị Lan A, sinh ngày 6/5/2005 là con riêng của chị Chu Thị P có trước khi kết hôn với anh H. Sau ly hôn, chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan A là phù hợp. Cần giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu Lan A thành niên. Anh H không phải có trách nhiệm gì đối với cháu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn H được ly hôn với chị Chu Thị P.

2-Về con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 16/6/2014 kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu Y thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Anh H, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H và các thành

viên trong gia đình không được ngăn cản việc chị P thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về con riêng: Giao chị Chu Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thị Lan A, sinh ngày 6/5/2005 kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu thành niên. Anh H không phải có trách nhiệm gì đối với cháu Lan A.

4 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

5-Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí LHST nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0002800 ngày 28/9/2021 (Xác nhận anh H đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị P có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã S, H. T;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc